

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM KHI TỶ LỆ AN TOÀN VỐN ÁP DỤNG THEO BASEL II

OPPORTUNITIES AND THREATS FOR COMMERCIAL BANKS

IN VIETNAM WHEN THE CAPITAL ADEQUACY RATIO APPLIED UNDER BASEL II

Trần Thị Lan Anh^{1*}

TÓM TẮT

Để đảm bảo an toàn và lành mạnh cho hệ thống ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đưa ra những quy định về đảm bảo an toàn, đặc biệt là quy định về tỷ lệ an toàn vốn căn cứ vào các chuẩn mực quốc tế về an toàn trong hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và an toàn vốn nói riêng. Hiện tại, quy định về tỷ lệ an toàn vốn của Việt Nam đã đảm bảo các tiêu chuẩn của Basel I và tiến tới năm 2020, sẽ thực hiện theo Basel II trên toàn hệ thống. Nghiên cứu này phân tích thực trạng về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010-2016, thông qua công cụ SWOT, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các ngân hàng khi chính thức áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp các ngân hàng thực hiện đúng quy định về tỷ lệ an toàn vốn khi thực hiện theo Basel II.

Từ khóa: tỷ lệ an toàn vốn; ngân hàng thương mại; Basel II

ABSTRACT

In order to ensure the safety and soundness of the banking system, the State Bank of Vietnam (SBV) has issued regulations on safety assurance, specially ones on capital adequacy ratios based on national standards and safety in operation of the banking system in general and capital adequacy in particular. At present, the capital adequacy ratio of Vietnam has ensured Basel II standards and will, by 2020, follow Basel II throughout the system. This study analyzes the real capital adequacy ratio of Vietnamese commercial banks for the period 2010-2016, through SWOT tools, analyzing strengths, weaknesses, opportunities and challenges for banks when applying the Basel II capital adequacy ratio. Based on the results of the study, the authors propose solutions to help banks comply with capital adequacy ratios when implementing Basel II.

Keywords: capital adequacy ratio; commercial banks; Basel II

¹Khoa Quản lý kinh doanh, Đại học Công nghiệp Hà Nội

*E-mail: trananh.hau.edu@gmail.com

Ngày nhận bài: 22/01/2018

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 11/04/2018

Ngày chấp nhận đăng: 15/06/2018

1. GIỚI THIỆU

Ngân hàng thương mại đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của mỗi quốc gia, sự thịnh vượng của hệ thống ngân hàng liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của nền kinh tế. Tầm quan trọng của ngành ngân hàng được đặt nền tảng trên cơ sở các ngân hàng được coi là kênh tiết kiệm và phân bổ tín dụng trong nền kinh tế (Ariccia và Marquez, 2004). Ngành ngân hàng thực hiện chức năng trung gian tài chính bằng cách chuyển khoản tiền gửi vào

các khoản đầu tư có hiệu quả (King và Levine, 1993). Theo Patrick (1966), khu vực tài chính có vai trò chuyển các nguồn lực từ các khu vực truyền thống, tăng trưởng thấp sang khu vực tăng trưởng cao. Một hệ thống tài chính hiệu quả là điều kiện cần và đủ để giúp nền kinh tế phát triển nhanh (Ebong, 2005).

Tuy nhiên, một ngân hàng hoạt động kém hiệu quả có thể ảnh hưởng tới sự sụp đổ của các ngân hàng khác và ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế. Oloo (2011), nhấn mạnh rằng nếu các ngân hàng thương mại chiếm ưu thế trong lĩnh vực tài chính, bất kỳ sự cố nào cũng có ý nghĩa to lớn đối với sự tăng trưởng của một nền kinh tế. Điều này là do bất kỳ vụ phá sản nào trong ngành ngân hàng cũng có tác động lan truyền, có thể dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính tổng thể và những rắc rối về kinh tế.

Sự thất bại trong việc quản lý các tiêu chuẩn vốn đã nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu để duy trì các yêu cầu về mức vốn. Trong những năm qua, các nhà quản lý ngân hàng đã đưa ra một số biện pháp liên kết quy chế và giám sát của các ngân hàng thương mại với mức độ rủi ro và khả năng tổn tại tài chính. Các nhà quản lý đã tăng cường giám sát ngân hàng thông qua duy trì mức độ an toàn về vốn và quy định tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu đối với các ngân hàng.

Căn cứ vào các chuẩn mực quốc tế về an toàn trong hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung và an toàn vốn nói riêng, Việt Nam đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về tỷ lệ an toàn vốn. Tuy nhiên, so với chuẩn mực Basel II, tỷ lệ an toàn vốn hiện nay vẫn chưa tính tới rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động trong tổng tài sản có rủi ro. Theo lộ trình triển khai Basel II đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt, đến năm 2016, chỉ có 10 ngân hàng lớn nhất (không tính ngân hàng liên doanh, ngân hàng nước ngoài) được lựa chọn thực hiện theo tiêu chuẩn của Basel II, theo đó, tỷ lệ an toàn vốn có tính đến rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường và tiến tới áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II đối với toàn hệ thống ngân hàng vào năm 2020.

Do đó, nghiên cứu về cơ hội và thách thức đối với các ngân hàng thương mại tại Việt Nam trước khi áp dụng tính tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II là hết sức cần thiết, giúp các nhà quản lý ngân hàng tận dụng lợi thế và khắc phục khó khăn khi thực hiện các tiêu chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II.

Bảng 1. Các văn bản pháp luật quy định về CAR của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Văn bản pháp luật	Năm ban hành	Năm thực hiện	Quy định về CAR
Quyết định số 297/QĐ-NHNN5	27/8/1999	9/9/1999	- CAR được tính bằng Vốn tự có trên Tài sản có. - Vốn tự có gồm vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - Tài sản có gồm tài sản có rủi ro nội bảng và tài sản có rủi ro ngoại bảng. - CAR ≥ 8% - Hệ số rủi ro từ 0%-100%
Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN	19/4/2005	6/5/2005	- CAR được tính bằng Vốn tự có trên Tài sản có. - Vốn tự có được tính bằng vốn cấp 1 cộng với vốn cấp 2 và trừ các khoản giảm trừ. - CAR ≥ 8% - Hệ số rủi ro từ 0%; 20%; 50%; 100%
Thông tư số 13/2010/TT-NHNN	20/5/2010	1/10/2010	- CAR ≥ 9% - Hệ số rủi ro từ 0%; 20%; 50%; 100% và 250%
Thông tư số 36/2014/TT-NHNN	20/11/2014	1/2/2015	- CAR ≥ 9% - Hệ số rủi ro từ 0%; 20%; 50%; 100% và 150% - Vẫn chưa tính tới rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động trong tổng tài sản có rủi ro.
Thông tư số 06/2016/TT-NHNN Sửa đổi một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN	27/5/2016	1/7/2016	- CAR ≥ 9% - Hệ số rủi ro từ 0%; 20%; 50%; 100% và 200%
Thông tư số 41/2016/TT-NHNN	30/12/2016	1/1/2020	- CAR ≥ 8% - CAR được tính bằng vốn tự có trên tổng tài sản rủi ro. - CAR tính tới cả rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường.

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Theo Al-Sabbagh (2004), an toàn vốn được mô tả như một chỉ báo về rủi ro của ngân hàng. An toàn vốn không chỉ phụ thuộc vào quy mô tài sản mà còn bị ảnh hưởng bởi chất lượng tài sản (Casu và cộng sự, 2015). Rủi ro của các ngân hàng được phân thành các loại rủi ro khác nhau, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động được tính trong tỷ lệ an toàn vốn (CAR). Do đó, các cơ quan quản lý đã sử dụng CAR như là một chỉ số quan trọng cho "an toàn và ổn định" đối với các ngân hàng và các tổ chức lưu ký vì họ coi vốn như một người bảo vệ hoặc để hấp thụ các tổn thất (Abdel-Karim, 1964). Đó là lý do tại sao nhà quản lý ngân hàng ở hầu hết các nước xác định và theo dõi CAR. CAR là yếu tố quyết định khả năng của ngân hàng để đáp ứng các trách nhiệm pháp lý với tài sản có mức độ rủi ro khác nhau (Akerlof, 1990). CAR còn gọi là vốn đảm bảo rủi ro, là một biện pháp của số vốn lõi của một ngân hàng, là tỷ lệ phần trăm của vốn với các tài sản rủi ro của nó (Berger và cộng sự, 1995). Theo Dowd (1996), việc các nhà quản lý áp đặt các tiêu chuẩn vốn tối thiểu đối với các tổ chức tài chính được xem như là một phương tiện để tăng cường an toàn tiền gửi và ổn định hệ thống ngân hàng. Do sự không đối xứng thông tin giữa các nhà quản lý ngân hàng và người gửi tiền có thể gây ra sự thất bại của thị trường, vì vậy cần thiết phải có sự can thiệp của chính phủ vào hệ thống tài chính.

Để bảo vệ người gửi tiền khỏi hậu quả của việc quản lý danh mục đầu tư mạo hiểm, không an toàn của các ngân hàng và để ngăn chặn những bất ổn phát sinh từ hệ thống ngân hàng, năm 1988, Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng ban hành hệ thống đo lường vốn và rủi ro tín dụng với tên thường gọi là Hiệp ước Basel I. Theo yêu cầu của Basel I, các

ngân hàng phải duy trì tỷ lệ vốn bắt buộc trên tổng tài sản điều chỉnh theo CAR ở mức tối thiểu (8%). Basel I cũng đưa ra định nghĩa về các loại vốn của ngân hàng và phân thành ba cấp xét theo khả năng thanh toán và mức độ tin cậy của nguồn vốn để ứng phó với rủi ro gồm cao nhất là vốn cấp 1, vốn cấp 2 và thấp nhất là vốn cấp 3. Basel I phân loại tài sản theo bốn mức rủi ro khác nhau là 0%; 20%; 50% và 100%. Các quy định về đo lường rủi ro của Basel I chỉ căn cứ vào tài sản đảm bảo và nhóm khách hàng mà không căn cứ vào hệ số tín nhiệm của từng khách hàng vay, quy mô món vay và thời hạn vay. Basel I cũng mới chỉ tập trung vào rủi ro tín dụng chưa đề cập đến rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

Do những hạn chế của Basel I, năm 2004, Ủy ban Basel giới thiệu phiên bản mới Basel II, có hiệu lực từ năm 2007 và kết thúc thời gian chuyển đổi đến năm 2010. Nội dung của Basel II gồm ba trụ cột chính: (i) CAR tối thiểu bằng 8%; (ii) tăng cường đánh giá chất lượng quản lý rủi ro của ngân hàng và (iii) giám sát tuân thủ kỷ luật thị trường. Các định nghĩa về vốn không thay đổi và tử số để tính CAR vẫn bao gồm vốn cấp 1 và vốn cấp 2. Tuy nhiên, phần mẫu số để tính CAR có một số thay đổi đáng kể, hệ số rủi ro của tài sản không chỉ phụ thuộc vào tài sản đảm bảo và nhóm khách hàng mà còn phụ thuộc vào độ nhạy rủi ro trong mỗi loại và hệ số tín nhiệm của từng khách hàng, hệ số này được mở rộng từ 0-100% theo Basel I lên 0-150% theo Basel II. Ngoài ra, mẫu số của CAR không chỉ có tổng tài sản có điều chỉnh theo hệ số rủi ro mà còn bao gồm 12,5 lần tổng vốn quy định cho dự phòng rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường.

CAR tối thiểu mà cơ quan giám sát khuyến khích áp dụng theo Basel II là: Vốn cấp 1 trên tổng tài sản rủi ro tín dụng tối thiểu bằng 4%; và tổng vốn (vốn cấp 1 + vốn cấp 2) trên tổng tài sản rủi ro tối thiểu bằng 8%.

Công thức tính CAR theo Basel II được trình bày ở phương trình (1).

$$CAR = \frac{\text{Vốn cấp 1} + \text{Vốn cấp 2}}{\sum (\text{Tài sản} * \text{Hệ số rủi ro}) + \text{Rủi ro thị trường} * 12,5 + \text{Rủi ro hoạt động} * 12,5} \geq 8\% \quad (1)$$

3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả đã thu thập dữ liệu thứ cấp về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam giai đoạn 2010-2016. Trên cơ sở dữ liệu thu được, phân tích thực trạng về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng, đồng thời sử dụng công cụ SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các ngân hàng khi chính thức áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

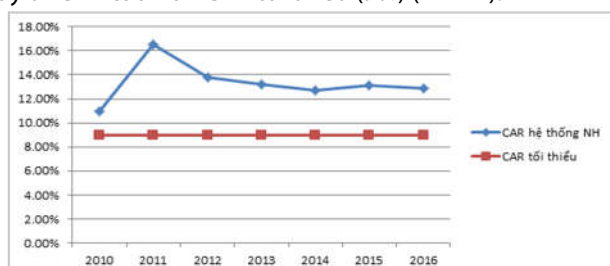
4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Thực trạng về tỷ lệ an toàn vốn của các NHTM Việt Nam

Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục đưa chuẩn mực quốc tế quy định đối với hệ thống ngân hàng trong nước để đảm bảo tính an toàn và lành mạnh cho toàn hệ thống. Điều này được thể hiện rõ trong Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng. Sau đó là một loạt các văn bản pháp luật khác quy định về an toàn vốn đối với các ngân hàng Việt Nam (bảng 1).

Theo nội dung Thông tư số 41/2016/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, quy định về an toàn vốn đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam, các ngân hàng phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% và tỷ lệ an toàn vốn được tính theo chuẩn mực Basel II, tức là tỷ lệ an toàn vốn đã tính tới rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường thay cho các tính tỷ lệ an toàn vốn theo các quy định trước đây (tỷ lệ an toàn vốn mới chỉ tính tới rủi ro tín dụng). Theo lộ trình thực hiện tính CAR theo Basel II, năm 2016, có 10 ngân hàng theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thí điểm tính CAR theo Basel II và đến ngày 01/01/2020 khi Thông tư số 41/2016/TT-NHNN có hiệu lực thì toàn bộ các ngân hàng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam phải thực hiện tính CAR theo quy định của thông tư này, tức là tính CAR theo Basel II.

Các ngân hàng hiện tính CAR theo Thông tư số 36/2014/TT-NHNN. Hầu hết các ngân hàng đều đảm bảo duy trì CAR cao hơn CAR tối thiểu (9%) (hình 1).

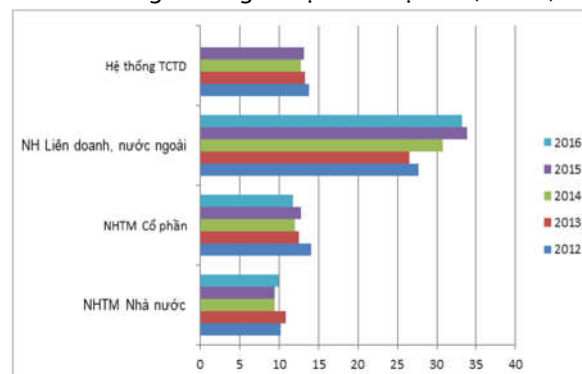


(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Hình 1. Tỷ lệ an toàn vốn của hệ thống tổ chức tín dụng, giai đoạn 2010-2016

Như vậy, có thể thấy CAR của hệ thống qua các năm từ 2010-2016 đều vượt mức quy định tối thiểu 9% nhưng có xu hướng giảm trong những năm gần đây. Đặc biệt, năm

2016 là năm thí điểm áp dụng tính CAR theo Basel II đối với 10 ngân hàng được chỉ định, CAR của toàn hệ thống trong năm mặc dù vẫn cao hơn quy định tối thiểu 9% nhưng đã giảm so với năm 2015. Điều này càng làm tăng áp lực đối với hệ thống ngân hàng khi tiến tới áp dụng tính CAR theo Basel II trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, tỷ lệ an toàn vốn của các nhóm ngân hàng có sự khác biệt lớn (hình 2).



(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Hình 2. Tỷ lệ an toàn vốn của hệ thống tổ chức tín dụng, giai đoạn 2010-2016

Bảng 2. So sánh CAR của Việt Nam và một số nước trong khu vực giai đoạn 2010-2015 (đơn vị: %)

Quốc gia	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Việt Nam	11,3	12,9	11,8	13,4	11,8	12,8
Thailand	16,1	14,8	16,2	15,5	16,5	17,1
Indonesia	16,2	16,1	17,3	19,8	18,7	21,3
Malaysia	17,5	17,7	17,6	14,6	15,4	16,3
Philippines	16,7	17,1	17,8	17,0	16,1	15,3
Trung Quốc	12,2	12,7	13,3	12,2	13,2	13,5

(Nguồn: Tổng hợp từ website của IMF)

Có thể thấy, mặc dù xét trên toàn hệ thống, CAR qua các năm đều cao hơn CAR tối thiểu nhưng xét cụ thể cho từng nhóm ngân hàng thì CAR của các NHTM nhà nước thấp hơn so với các NHTM cổ phần và thấp hơn nhiều so với NH liên doanh, nước ngoài (CAR của NHTM nhà nước thường thấp hơn 3% so với CAR bình quân toàn hệ thống, 2% so với các NHTM cổ phần, thấp hơn rất nhiều so với các ngân hàng nước ngoài. Trong khi đó, các NHTM nhà nước lại chiếm đến hơn 40% thị phần huy động và cho vay toàn thị trường, điều này có thể tiềm ẩn rủi ro không nhỏ, đe dọa an toàn của cả hệ thống. Bên cạnh đó, so sánh với các nước trong khu vực thì CAR của Việt Nam thấp nhất (bảng 2). CAR của Việt Nam luôn thấp hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực. Ngoài ra, CAR của các quốc gia Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc có xu hướng tăng trong khi CAR của Việt Nam có sự biến động. Điều này cho thấy những bất ổn trong công tác an toàn về vốn của hệ thống tài chính Việt Nam là đáng kể so với các nước trong khu vực. Hiện tại, các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn tính CAR theo Thông tư số 36/2014/TT-NHNN, trừ 10 ngân hàng thí điểm theo cách tính mới (phương trình 2).

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (\%)} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro}} \times 100\% \quad (2)$$

Trong đó, $\text{Vốn tự có} = \text{Vốn tự có cấp 1} + \text{Vốn tự có cấp 2} - \text{Khoản giảm trừ}$

Bảng 3. So sánh sự khác biệt trong cách tính CAR

TT	Chỉ tiêu	Theo Basel II	Theo Thông tư số 36/2014/TT-NHNN
1	Quý dự phòng tài chính	Ghi nhận vào Vốn cấp 1	- Ghi nhận vào Vốn cấp 2 - Tổng vốn tự có không có khác biệt
2	Lợi nhuận giữ lại	Ghi nhận vào Vốn cấp 1	Thông tư số 36 chỉ ghi nhận lợi nhuận giữ lại sau khi có kiểm toán và có quyết định đại hội đồng cổ đông
3	75% dự phòng chung theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, dự phòng rủi ro cho vay tổ chức tín dụng khác, dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	Không ghi nhận vào Vốn cấp 2	Được ghi nhận vào Vốn cấp 2
4	Số dư mua, nợ đầu tư thứ cấp của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành đủ điều kiện phát hành vào Vốn cấp 2 của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó (không bao gồm nợ thứ cấp nhận làm tài sản đảm bảo, chiết khấu, tái chiết khấu của khách hàng)	Không ghi nhận vào Vốn cấp 2	Được ghi nhận vào Vốn cấp 2
5	Các khoản góp vốn, mua cổ phần tại tổ chức tín dụng khác	Là khoản giảm trừ Vốn tự có. Tuy nhiên, chỉ trừ nếu công ty con là tổ chức tín dụng	Thông tư số 36 còn yêu cầu trừ các khoản góp vốn vào công ty
6	Các khoản góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng	Bị trừ vào Vốn tự có	Thông tư số 36 chỉ yêu cầu trừ khi các khoản vốn mua cổ phần để nắm quyền kiểm soát, khoản góp vốn vào công ty chứng khoán và công ty thông tin tín dụng
7	Tổng tài sản có rủi ro = $\sum (\text{Tài sản} * \text{Hệ số rủi ro}) + \text{Rủi ro thị trường} * 12,5 + \text{Rủi ro hoạt động} * 12,5$	Chỉ tiêu để tính CAR theo Basel II	- Không tính rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng - Tổng tài sản có rủi ro = Tài sản * Hệ số rủi ro

(Tổng hợp của tác giả từ Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và Thông tư số 41/2016/TT-NHNN)

Bảng 4. Phân tích SWOT về các NHTM Việt Nam khi thực hiện tính CAR theo Basel II

Điểm mạnh (Strength)	Điểm yếu (Weakness)
<p>S1: Tổng tài sản có và vốn tự có của các ngân hàng thương mại ngày càng được cải thiện.</p> <p>S2: Năng lực tài chính, năng lực quản trị, kiểm toán, kiểm soát nội bộ của các ngân hàng thương mại tiếp tục được tăng cường và hiện đại hóa theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.</p>	<p>W1: So với các nước trong khu vực thì quy mô vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn khá nhỏ.</p> <p>W2: Tỷ lệ an toàn vốn không ổn định và ở mức thấp so với các nước trong khu vực.</p> <p>W3: Khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại ở mức thấp so với chuẩn mực quốc tế và so với các nước trong khu vực (Trần Thị Lan Anh và Nguyễn Thị Hải Yến, 2016).</p> <p>W4: Việc xử lý nợ xấu chưa triệt để, chủ yếu là chuyển gánh nặng nợ từ các tổ chức tín dụng sang Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).</p>
Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Threats)
<p>O1: Quy định về tỷ lệ an toàn vốn hiện tại đã đảm bảo các tiêu chuẩn Basel I và tiến tới theo các tiêu chuẩn Basel II.</p> <p>O2: Tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại vượt mức quy định tối thiểu 9%.</p> <p>O3: Chất lượng tín dụng được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống tổ chức tín dụng đã giảm về ngưỡng an toàn.</p>	<p>T1: Theo cách tính CAR mới, CAR của các ngân hàng sẽ giảm đi nhiều, Tài sản có rủi ro sẽ tăng lên.</p> <p>T2: Việc mở cửa hệ thống ngân hàng tạo áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài, có thể làm giảm hiệu quả hoạt động và tỷ lệ CAR của ngân hàng trong nước.</p>

Tổng tài sản có rủi ro chỉ bao gồm các tài sản có rủi ro tín dụng cả trong và ngoài bảng cân đối kế toán và được điều chỉnh theo các tỷ lệ rủi ro từ 0% đến 150%. Giữa cách tính CAR theo quy định hiện hành và tính theo Basel II có một số khác biệt cả về Vốn tự có và Tài sản Có rủi ro (bảng 3).

Căn cứ vào thực trạng về quy định an toàn vốn cũng như việc thực hiện tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam, kết quả phân tích SWOT về Điểm mạnh - Điểm yếu, Cơ hội - Thách thức đối với các ngân hàng khi thực hiện tính tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II được trình bày trong bảng 4.

5. KHUYẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Dựa vào kết quả phân tích SWOT ở trên, theo lộ trình thực hiện Basel II mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề ra, các ngân hàng thương mại Việt Nam cần không ngừng nâng cao năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh và hoàn thiện về mọi mặt theo quy định cũng như hướng tới các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Để thực hiện tính tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II, các ngân hàng cần khắc phục và hoàn thiện một số hạn chế, như sau: *Một là*, có chiến lược tăng vốn tự có, chuẩn bị về phương tiện kỹ thuật để tính toán xác định rủi ro trong cách tính CAR theo Basel II; *Hai là*, không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như kiểm soát rủi ro; *Ba là*, nâng cao khả năng tài chính và lành mạnh về tài chính trong hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với Ngân hàng Nhà nước: (i) Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng để nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, như: xử lý các ngân hàng yếu kém, khuyến khích việc mua lại, sáp nhập, hợp nhất tự nguyện của các ngân hàng để tăng cường tiềm lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động; (ii) Tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động, quá trình tái cơ cấu, xử lý nợ xấu... của các tổ chức tín dụng nói riêng và hệ thống ngân

hàng thương mại nói chung. Tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại xử lý các khoản nợ xấu một cách triệt để qua VAMC.

Thứ hai, đối với các ngân hàng thương mại: (i) Không ngừng mở rộng quy mô vốn, tăng vốn điều lệ, đảm bảo quy định vốn điều lệ tối thiểu 3.000 tỷ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua quá trình tái cấu trúc các tổ chức tín dụng theo đề án của Ngân hàng Nhà nước đã đề ra. Tuy nhiên, so với các nước trong cùng khu vực thì quy mô vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam còn ở mức thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tỷ lệ an toàn vốn, do đó cần tăng quy mô vốn của mình đặc biệt là vốn tự có. (ii) Cần tính đúng, tính đủ các tài sản rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng, đồng thời nâng cao chất lượng khoản tín dụng giảm tỷ lệ nợ xấu và kiểm soát ở mức an toàn bằng cách kiểm soát chặt chẽ đảm bảo chất lượng khâu thẩm định tín dụng, cho vay dựa trên hiệu quả sản xuất kinh doanh và xếp hạng tín nhiệm của khách hàng. (iii) Khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới tỷ lệ an toàn vốn. Theo Gropp và Heider (2007), tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) có tương quan thuận với tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng thương mại, các ngân hàng có lợi nhuận nhiều hơn thường có xu hướng có nhiều vốn hơn so với tài sản, do đó, tăng khả năng sinh lời sẽ giúp các ngân hàng cải thiện tỷ lệ an toàn vốn. Theo WB (2014), Linh Lan (2015), các ngân hàng thương mại Việt Nam có khả năng sinh lời thấp so với hầu hết các nước là do hạn chế về quy mô vốn chủ sở hữu, tài sản và lợi nhuận. Một trong những nguyên nhân làm cho lợi nhuận của ngân hàng thương mại Việt Nam ở mức thấp là do: chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và chi phí hoạt động đều ở mức cao. Theo KPMG (2013), chi phí này chiếm trung bình 49% tổng doanh thu hoạt động của ngân hàng, có 22 ngân hàng chi phí hoạt động chiếm trên 50% tổng doanh thu hoạt động. Chính vì vậy, để tăng khả năng sinh lời, các ngân hàng thương mại Việt Nam cần nâng cao chất lượng tài sản để giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, chi phí hoạt động bằng cách tăng cường chuyên môn hóa, tự động hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng một cách chuyên nghiệp mọi lúc mọi nơi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản trị ngân hàng.

Tính tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II là xu hướng tất yếu trong quản lý hệ thống ngân hàng ở mỗi quốc gia nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng. Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó, đã và đang từng bước hoàn thiện các quy định pháp lý, cải thiện năng lực tài chính, công nghệ, năng lực quản trị, kiểm toán, kiểm soát nội bộ của các tổ chức tín dụng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2016). Các quy định về tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng thương mại Việt Nam đã đảm bảo theo tiêu chuẩn Basel I và đang tiến dần đến Basel II./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Abdel Karim, R.A. (1996). The Impact of the Basel Capital Adequacy Ratio Regulation on the Financial and Marketing Strategies of Islamic Banks. *International Journal of Bank Marketing*, pp. 32-44.

- [2]. Akerlof, G. A. 1990, The market for "lemons": Quality uncertainty and the market mechanism, *Quarterly Journal of Economics* Vol. 84 No.3: 488-500.
- [3]. Al-Sabbagh, N. 2004. Determinants of Capital Adequacy Ratio In Jordanian Banks. Master thesis. Yarmouk University. Irbid, Jordan.
- [4]. Ariccia and Marquez (2004). Information and bank credit allocation. *Journal of Financial Economics*, 1(72): 185-214.
- [5]. Berger, A. N., Herring, R. J. and Szegö, G. P., (1995). The Role of Capital in Financial Institutions. Wharton Working Paper, pp. 95-01.
- [6]. BIS. 1999. Basel Committee on Banking Supervision: A new capital adequacy framework. [online]. Available from: <https://www.bis.org/publ/bcbs50.pdf> (Accessed 15 May 2017).
- [7]. BIS. 2006. Basel II: International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards: A Revised Framework - Comprehensive Version. [online]. Available from: <https://www.bis.org/publ/bcbs128.pdf> (Accessed 15 May 2017).
- [8]. BIS. 2011. Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems - revised version June 2011. [online]. Available from: <https://www.bis.org/publ/bcbs189.pdf> (Accessed 15 May 2017).
- [9]. Casu, B., Molyneux, P and Girardone, C. (2015). Introduction to banking. 2nd Ed. London: Prentice Hall Financial Times.
- [10]. Dowd, K. (1999). Does Asymmetric Information Justify Bank Capital Adequacy Regulation? *Cato Journal*, 19(1): 39-47.
- [11]. Ebong, B. B. (2005), The Banking Industry and the Nigerian Economy: Post consolidation, *Union Digest*, Vol. 9, No. 3: 17-30.
- [12]. King R. G. and Levine R. (1993). Finance, entrepreneurship, and growth. *Journal of Monetary*. Vol. 40: 259-292. North-Holland.
- [13]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2010), Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010. Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. <http://vbpl.vn/nganhangnhanuoc/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=25274>
- [14]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014), Thông tư số 36/2014/TT-NHNN. Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. <http://vbpl.vn/nganhangnhanuoc/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=38214>
- [15]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=104204>
- [16]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. <http://vbpl.vn/nganhangnhanuoc/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=117310>
- [17]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Báo cáo thường niên từ năm 2010 đến 2016.
- [18]. Oloo, O. (2011) Banking Survey Report, The best banks this decade 2001-2010, Think Business Limited, Kenya, www.bankingsurvey.co.ke
- [19]. Patrick, HT (1966), Financial Development and Economic Growth in Underdeveloped Countries, *Economic Development and Cultural Change*, vol. 14: 174-189.